|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÔNG AN TỈNH HÀ NAM[[1]](#footnote-1)  **CÔNG AN HUYỆN BÌNH LỤC**[[2]](#footnote-2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** | **MẪU PC13**  BH theo QĐ số 7272/QĐ-BCA  ngày 10/9/2021 |

**PHIẾU CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI**

**Hồ sơ Vụ việc xác minh ban đầu (AĐ)**

Số hồ sơ: 01A Đ 0123/11111E

Trích yếu: Hồ sơ tin báo sản xuất hàng cấm pháo nổ tại xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Cán bộ quản lý hồ sơ: Lê Văn Vượng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí chấm điểm** | **Điểm tối đa** | **Điểm CB tự chấm** | **Điểm CH đơn vị chấm[[3]](#footnote-3)** |
| **1.** | **Trình tự, thủ tục lập, đăng ký, quản lý, sử dụng hồ sơ** | **40** | 40 | 40 |
| 1.1 | Đúng trình tự, thủ tục, cấu tạo hồ sơ. | 05 | 05 | 05 |
| 1.2 | Đúng thẩm quyền và phân công, phân cấp. | 05 | 05 | 05 |
| 1.3 | Đăng ký đúng thời hạn; báo diễn biến kịp thời; gửi thẻ, phiếu về cơ quan Hồ sơ đúng quy định. | 10 | 10 | 10 |
| 1.4 | Sử dụng biểu mẫu hồ sơ đúng quy định, ghi đầy đủ, chính xác các danh mục, chỉ tiêu thông tin. | 10 | 10 | 10 |
| 1.5 | Tài liệu trong hồ sơ được sắp xếp đúng trình tự thời gian, diễn biến của hoạt động nghiệp vụ. | 05 | 5 | 5 |
| 1.6 | Hồ sơ không bị rách nát, hư hỏng và có thống kê tài liệu; xác định độ mật đúng quy định. | 05 | 5 | 5 |
| **2.** | **Nội dung hồ sơ** | **60** | 40 | 40 |
| 2.1 | Có đầy đủ tài liệu ban đầu làm cơ sở cho việc lập, đăng ký hồ sơ, gồm: | 10 | 10 | 10 |
|  | *- Tài liệu tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố;* | *05* | 5 | 5 |
|  | *- Quyết định phân công hoặc chỉ đạo của lãnh đạo có thẩm quyền giao nhiệm vụ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo quy định.* | *05* | 5 | 5 |
| 2.2 | Có đầy đủ tài liệu phản ánh quá trình tổ chức, triển khai công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, gồm: | 30 | 20 | 20 |
|  | *- Kế hoạch giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố;* | *05* | 5 | 5 |
|  | *- Tài liệu phản ánh các hoạt động nghiệp vụ xác minh, giải quyết theo quy định;* | *10* | 10 | 10 |
|  | *- Tài liệu thu thập được qua các nguồn (như: Quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố - nếu có; tài liệu gia hạn xác minh - nếu có; tài liệu thu thập qua biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ;...) và kết quả xác minh, xử lý tin thu được;* | *10* |  |  |
|  | *- Tài liệu phản ánh kết quả thực hiện ý kiến chỉ đạo, phê duyệt của lãnh đạo có thẩm quyền tại các kế hoạch, báo cáo, đề xuất.* | *05* | 5 | 5 |
| 2.3 | Có đầy đủ tài liệu, báo cáo về kết quả xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố *(Quyết định khởi tố hoặc không khởi tố, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ;...).* | 05 | 5 | 5 |
| 2.4 | Tài liệu trong hồ sơ được cập nhật, bổ sung kịp thời, đúng quy định công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; phù hợp cấu tạo hồ sơ AĐ và có giá trị phục vụ công tác nghiệp vụ. | 10 |  |  |
| 2.5 | Các kế hoạch, báo cáo nghiệp vụ thể hiện đầy đủ, cụ thể ý kiến đề xuất của cán bộ nghiệp vụ và ý kiến chỉ đạo, phê duyệt của lãnh đạo có thẩm quyền | 05 | 5 | 5 |
| **3.** | **Điểm trừ ( - )** | **- 100** |  |  |
| 3.1 | Hồ sơ đã lập nhưng không đăng ký; hồ sơ đã kết thúc nhưng không nộp lưu theo quy định. | - 100 |  |  |
| 3.2 | Hồ sơ đăng ký chậm từ 05 đến dưới 10 ngày. | - 50 |  |  |
| 3.3 | Hồ sơ đăng ký chậm từ 10 ngày trở lên. | - 100 |  |  |
| 3.4 | Hồ sơ kết thúc, nộp lưu hoặc bàn giao, đủ điều kiện nhưng không thực hiện chấm điểm, xếp loại. | - 50 |  |  |
| 3.5 | Hồ sơ có sự thay đổi *(như có quyết định tách, nhập; bàn giao; chuyển loại; có quyết định chỉ, tạm đình chỉ;...)* hoặc quá thời hạn giải quyết nhưng không thực hiện, xử lý và báo diễn biến theo quy định. | - 100 |  |  |
|  | **Cộng:** | **100** | 80 | 80 |

Hồ sơ đạt loại Tốt/.

*Bình Lục, ngày 10 Tháng 10 năm 2023*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ** [[4]](#footnote-4)  *(Ký, cấp bậc, họ tên)* | **CHỈ HUY PHỤ TRÁCH**  *(Ký, cấp bậc, họ tên)* | **CÁN BỘ CHẤM ĐIỂM** [[5]](#footnote-5)  *(Ký, cấp bậc, họ tên)* |

1. Cục nghiệp vụ/Phòng nghiệp vụ /Công an cấp tỉnh/Công an cấp huyện [↑](#footnote-ref-1)
2. Phòng nghiệp vụ/Công an cấp huyện/Đội nghiệp vụ [↑](#footnote-ref-2)
3. Chỉ huy cấp Đội trở lên. [↑](#footnote-ref-3)
4. Lãnh đạo có thẩm quyền ký Quyết định lập hồ sơ. [↑](#footnote-ref-4)
5. Cán bộ quản lý hồ sơ hoặc cán bộ được giao chấm điểm. [↑](#footnote-ref-5)